

Bản án số: 68/2024/DS-ST
Ngày: 11-6-2024
V/v: “*Tranh chấp về
cử người giám hộ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Ánh Nhạn;
- Ông Lê Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp về cử người giám hộ*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của ông H: Chị Phạm Thị Thuý A, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh theo hợp đồng ủy quyền được lời chứng của công chứng viên văn phòng công chứng Nguyễn Đức T1 vào sổ công chứng số: 001074, quyển số 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 2 năm 2024; (Có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D1; sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1960; Địa chỉ Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt);

3.2 Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt);

3.3 Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt);

3.4 Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt);

3.5 Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt);

3.6 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: khu phố K, phường L, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn D1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P: ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1968, Địa chỉ: khu phố A, phường X, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; theo hợp đồng ủy quyền được lời chứng của công chứng viên văn phòng công chứng Lê Quang S vào sổ công chứng số: 4112, quyền số 09/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04 tháng 5 năm 2024; (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1 và người đại diện hợp pháp của ông H1 chị Phạm Thị Thuý A trình bày tại phiên tòa:*

Cha ông H1 là cụ ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1923, chết ngày 22/9/2013, mẹ là cụ Lê Thị K, sinh năm 1931. Cụ M và cụ K chung sống với nhau có tất cả 09 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Đang; Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 - chết ngày 05-4-2022; Ông Nguyễn Văn P; Bà Nguyễn Thị P1; Bà Nguyễn Thị P2; Ông Nguyễn Văn D2; Bà Nguyễn Thị H; Ông Nguyễn Văn Dọt; Nguyễn Văn H1.

Bà Nguyễn Thị T chết ngày 05-4-2022, không để lại di chúc, không có chồng con. Bà T có tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 2545m², thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00384/321/2009/HD-CN do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp ngày 08/12/2009 cho bà T đứng tên. Theo quy định pháp luật, cụ Lê Thị K là người thừa kế duy nhất của bà T.

Do cụ K tuổi đã cao, tinh thần không còn minh mẫn sáng suốt nên ông Nguyễn Văn D1 có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố cụ K bị mất năng lực hành vi dân sự. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-DS, ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tuyên bố cụ Lê Thị K, sinh năm 1931; địa chỉ: số 35, tổ 12, ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh mất năng lực hành vi dân sự, nhưng chưa có người giám hộ vì ông D1 (do anh em không thống nhất được về việc cử người giám hộ) nên không thực hiện được thủ tục khai nhận di sản thừa kế.

Do đó, ông H1 khởi kiện yêu cầu ông D1 đồng ý để ông H1 là người giám hộ cho cụ Lê Thị K để ông tiếp tục chăm sóc, điều trị bệnh và khai nhận di sản thừa kế.

Tại phiên tòa, chị A thống nhất ý kiến đại diện bị đơn cử người giám sát ông H1 là ông D1 và ông P.

** Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của Bị đơn ông Nguyễn Văn D1 và người đại diện hợp pháp của ông D1 là ông Nguyễn Văn T2 trình bày tại phiên tòa:*

Ông D1 thống nhất mối quan hệ huyết thống như ông H1 trình bày.

Ông D1 trình bày không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H1 bởi lý do: Trước

khi cha mẹ ông có tài sản đã phân chia rõ ràng cho anh chị em. Mỗi người con trai được chia 25 cao đất ruộng và 01 nền nhà đang ở hiện tại (có 03 người con trai). Riêng ông H1 được chia 30 cao đất ruộng và nền nhà. Mỗi người con gái được chia 12 cao đất (có 04 người con gái), riêng bà Đ có thêm 1 nền nhà ở. Số đất còn lại chưa chia đất cát nhà. Bà T (đã mất) không có chồng con, thường xuyên đau bệnh từ bé nên được cho 2545m² đất đồng và 20 cao đất ruộng chưa tách thửa đã được quy hoạch, số tiền đất này ông H1 đã lấy. Trước lúc bà T mất có tích góp được 150.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24K, vợ chồng ông H1 có mượn số tiền 40.000.000 đồng. Khi bà T mất toàn bộ chi phí đều trừ vào số tiền của bà T để lại. Còn lại 50.000.000 đồng và 08 chỉ vàng thì có chia lại cho 04 chị em gái mỗi người 5 phân để lấy lộc, còn lại 06 chỉ vàng và 50.000.000 đồng giao lại hết cho vợ chồng ông H1 để lo đám sau này. Ông H1 có ra uỷ ban xã báo mất sổ đỏ của bà T để làm lại sổ mới nhưng qua xác minh sổ đỏ vẫn còn do ông D1 cất giữ thì ông H1 đã rút đơn. Sau đó, ông H1 có làm đơn khởi kiện đòi lại sổ đỏ và yêu cầu số tiền 200.000.000 đồng công nuôi bà T. Trong khi bà T còn sống thì mọi chi phí nuôi bệnh của cụ K và bà T đều do cụ K và bà T tự lực. Mỗi khi nhập viện đều do bà Đ chăm nuôi. Sau khi bán đất của ba mẹ cụ K, cậu B (anh ruột cụ K) có cho cụ K số tiền 100.000.000 đồng, ông H1 đã lấy. Tổng tài sản sau khi chia cho các anh chị em còn lại hơn 02 mẫu đất, ông H1 âm thầm sang tên và cả tài khoản ngân hàng mà không ai trong số anh chị em biết. Hiện nay ông H1 sống cùng nhà của cụ K vì đây là nhà thờ, ông H1 đã hưởng hết tất cả tài sản hương quả của cha mẹ, nên có trách nhiệm phải lo cho cha mẹ. Nói về đạo đức thì ông H1 không có quyền giám hộ cho cụ K vì trước đây cụ K kiện ông H1 đòi bằng khoán và ông H1 có phản tố có khởi kiện cụ K đòi 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền công nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị T. Vì vậy, ông D1 có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố cụ K bị mất năng lực hành vi dân sự.

Tại phiên hòa giải ngày 19-4-2024 ông H1 đề nghị Tòa án cử người giám hộ cho cụ K là anh trai ông Nguyễn Văn P, người giám sát việc giám hộ là ông Nguyễn Văn H1. Tại phiên hòa giải ngày 15-5-2024, ông D1 đồng ý cho ông H1 là người giám hộ, ông D1 và ông P là người giám sát việc giám hộ.

Tại phiên tòa, ông T1 đại diện hợp pháp của ông D1 trình bày: ông D1 yêu cầu Toà án chỉ định ông Nguyễn Văn H1 là người giám hộ cho cụ K, ông Nguyễn Văn D1 và ông Nguyễn Văn P là người giám sát việc giám hộ.

** Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P và người đại diện hợp pháp của ông P là ông Nguyễn Văn T2 trình bày tại phiên tòa:*

Tại phiên hòa giải ngày 19-4-2024, ông P thống nhất mối quan hệ huyết thống như ông H1 trình bày. Về việc cử người giám hộ ông đề nghị cử ông Nguyễn Văn D1 là người giám hộ cho mẹ là cụ Lê Thị K, tuy ông D1 không chung sống cùng nhà với cụ K nhưng rảnh rỗi công việc, thuận tiện hơn ông, thống nhất người giám sát là ông Nguyễn Văn H1.

Tại phiên tòa, ông Trí đại diện hợp pháp của ông P trình bày: ông P thống nhất Toà án chỉ định ông Nguyễn Văn H1 là người giám hộ cho cụ K, ông Nguyễn Văn D1 và ông Nguyễn Văn P là người giám sát việc giám hộ.

** Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Lời trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị P2:

Bà P2 thống nhất mọi quan hệ huyết thống như ông H1 trình bày. Bà thừa nhận hiện nay mẹ của bà là cụ Lê Thị K cùng sống chung nhà với vợ chồng ông H1. Về cử người giám hộ cho cụ K, bà không đồng ý cho ông H1 là người giám hộ vì tư cách của ông H1 không tốt như lời trình bày của ông D1.

Vì vậy, bà nhận thấy ông H1 không xứng đáng giám hộ thừa kế sổ đỏ của người chị đã mất và đề nghị ông Nguyễn Văn D1 là người giám hộ thừa kế sổ đỏ của người chị đã mất. Ngày 10-6-2024, bà P1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến thống nhất cử ông Nguyễn Văn H1 là người giám hộ cho cụ K, ông Nguyễn Văn D1 và ông Nguyễn Văn P là người giám sát việc giám hộ.

Lời trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị P1:

Bà P1 thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị P2. Ngày 10-6-2024, bà P2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến thống nhất cử ông Nguyễn Văn H1 là người giám hộ cho cụ K, ông Nguyễn Văn D1 và ông Nguyễn Văn P là người giám sát việc giám hộ.

Lời trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị Đ:

Bà Đ thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị P2. Ngày 10-6-2024, bà Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến thống nhất cử ông Nguyễn Văn H1 là người giám hộ cho cụ K, ông Nguyễn Văn D1 và ông Nguyễn Văn P là người giám sát việc giám hộ.

Lời trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D2:

Ông D2, bà H thống nhất mọi quan hệ huyết thống như ông H1 trình bày, thừa nhận hiện nay cụ Lê Thị K cùng sống chung nhà với vợ chồng ông H1.

Về cử người giám hộ cho cụ K, ông D2, bà H không đồng ý cho ông H1 là người giám hộ vì tư cách của ông H1 không tốt như lời trình bày của ông D1. Vì vậy, bà nhận thấy ông H1 không xứng đáng giám hộ thừa kế sổ đỏ của người chị đã mất và đề nghị ông Nguyễn Văn D1 là người giám hộ thừa kế sổ đỏ của người chị đã mất.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định; xác định đúng tư cách tố tụng; đảm bảo thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định; đảm bảo nguyên tắc xét xử độc lập, công khai và bình đẳng. Các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật, chấp hành nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 70, 71, 72, 73, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 46, 47, 48, 49, 51, 54, 57, 58, 59 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1.
- + Chỉ định ông Nguyễn Văn H1 là người giám hộ cho cụ Lê Thị K.
- + Ghi nhận ông Nguyễn Văn D1 và ông Nguyễn Văn P là người giám sát việc giám hộ của ông Nguyễn Văn H1.
- Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 21-02-2024, Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn H1 ký hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng cho anh Trần Minh T3 và chị Nguyễn Thị Thúy A theo hợp đồng ủy quyền được lời chứng của công chứng viên văn phòng công chứng Nguyễn Đức T1 vào sổ công chứng số: 001074, quyển số 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 2 năm 2024. Ngày 10-6-2024, ông T1 thông báo chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền với anh T3, anh T3 đồng ý cùng ký tên là tự nguyện và các bên không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.2] Ông Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn P vắng mặt có người người đại diện hợp pháp tham gia có mặt tại phiên tòa, ông D2, bà H, bà P1, bà P2, bà Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Cụ bà Cụ Lê Thị K là người mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11 ngày 15/8/2023 của TAND huyện G. Cụ K là người thừa kế duy nhất của con gái là bà Nguyễn Thị T (chết ngày 05-4-2022, không có chồng con và sống cùng cụ K) đối với phần đất có diện tích 2545m² thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 30, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà T đứng tên. Cụ K không có người giám hộ đương nhiên theo quy định tại Điều 53 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, hiện nay cụ K mất năng lực hành vi dân sự và chưa có người giám hộ (do anh em không thống nhất được việc cử người giám hộ) nên không thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế. Vì vậy cần chỉ định người giám hộ cho cụ K để quản lý tài sản, đại diện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và thực hiện các giao dịch dân sự có liên quan đến tài sản của bà T.

[2.2] Xét về điều kiện của người giám hộ, thấy rằng các con của cụ K là bà Nguyễn Thị Đang; ông Nguyễn Văn P; bà Nguyễn Thị P1; bà Nguyễn Thị P2; ông Nguyễn Văn D2; bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Văn Dọt; ông Nguyễn Văn H1 đều có đủ điều kiện làm người giám hộ cho cụ Lê Thị K theo quy định tại Điều 49 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, hiện nay Nguyễn Văn H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị bệnh cho cụ K nên ông H1 yêu cầu Tòa án chỉ định ông H1 là người giám hộ cho cụ K, mục đích để ông H1 tiếp tục chăm sóc, điều trị bệnh và khai nhận di sản thừa kế cho cụ K. Đồng thời, qua xác nhận của Trưởng ấp Suối Cao A, xã Phước Đông và Phó chủ tịch UBND xã P ngày 24-4-2024 xác nhận ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1978 ngụ ấp S, xã P là con út từ trước đến nay sống chung với mẹ tên Lê Thị K là đúng (Tại bút lúc 67), không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông H1 có hành vi bỏ mặc, ngược đãi cụ K.

[2.3] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 19-4-2024 và ngày 15-5-2024, lời trình bày tại phiên tòa chị A là người đại diện hợp pháp cho ông H1, ông T2 đại diện hợp pháp cho ông D1, ông P và lời trình bày của người vắng mặt bà P1, bà P2, bà Đ đã thống nhất việc cử ông Nguyễn Văn H1 làm người giám hộ cho cụ cụ Lê Thị K, ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn P là người giám sát việc giám hộ, đối với lời trình bày của ông D2, bà

H thừa nhận hiện nay cụ Lê Thị K đang sống cùng với ông H1. Do đó, ông H1 đủ điều kiện làm người giám hộ theo quy định tại Điều 49 Bộ luật dân sự.

[2.4] Về việc cử người giám sát của việc giám hộ, xét các đương sự thống nhất cử ông Nguyễn Văn D1 và ông Nguyễn Văn P là người giám sát việc giám hộ của ông H1 là phù hợp. Ông D1 và ông P có quyền và nghĩa vụ của người giám sát theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Bộ luật dân sự.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H1, chỉ định ông Nguyễn Văn H1 là người giám hộ cho cụ cụ Lê Thị K. Chỉ định Nguyễn Văn D1 và ông Nguyễn Văn P là người giám sát việc giám hộ của ông H1.

[3]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn D1 phải chịu án dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Ông Nguyễn Văn H1 không phải chịu án phí, Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0013889, ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 46, 47, 48, 49, 51, 54, 57, 58, và Điều 59 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp cử người giám hộ” giữa ông Nguyễn Văn H1 với ông Nguyễn Văn D1.

1.1. Chỉ định ông Nguyễn Văn H1 là người giám hộ cho cụ cụ Lê Thị K, sinh năm 1931; địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh;

Ông Nguyễn Văn H1 được thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại Điều 57, 58, 59 của Bộ luật dân sự.

1.2 Chỉ định ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn P là người giám sát việc giám hộ của ông Nguyễn Văn H1

Ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn P được thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D1 phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013889, ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt

được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện G, tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

